

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4896 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão  
xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7205/SXD-HĐXD ngày 30/11/2018 về Phê duyệt phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa (kèm theo Tờ trình số 600/TTr-CCĐĐ ngày 25/10/2018 của Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp kho dự trữ vật tư phòng, chống lụt bão xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa để bảo quản vật tư dự trữ, hỗ trợ kịp thời cho công tác xử lý giờ đầu các sự cố đê điều trong mùa mưa bão.

## 6. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế

### 6.1. Xây dựng mới Nhà quản lý

#### a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 9,66x16,56m. Chiều cao công trình là 6,55; mái lợp tôn cao 1,45m; cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 1,1m.

- Mặt bằng tầng 1 được bố trí các phòng công năng: Phòng làm việc, phòng ở cán bộ nhân viên, phòng bếp và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt, giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,0m.

- Nền, sàn các phòng lát gạch Ceramic 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm, tường khu vệ sinh và khu bếp ốp gạch kích thước 300x600mm cao 1,8m. Tường xây gạch không nung VXM mác M50, trát trong mác M50, ngoài nhà VXM mác M75, trát trần, trát cột, dầm VXM mác M75. Tường, trần lăn sơn trực tiếp. Mái xây tường thu hồi, xà gỗ thép, lợp tôn.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ bên trong sắt đặc 14x14mm. Tam cấp sảnh đổ BTCT tại chỗ, bậc xây gạch, mặt bậc lát đá Granit.

#### b) Giải pháp kết cấu:

- Móng công trình bằng móng đơn BTCT mác M200 đá 1x2. Móng, giằng móng mác 200 đá 1x2 đổ tại chỗ. Móng dưới tường xây đá hộc VXM mác M75.

- Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực. Cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác M200 đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình 220x220mm. Tiết diện dầm điển hình 220x350mm. Sàn BTCT dày 100mm.

#### c) Phần điện, chống sét:

- Hệ thống điện lấy từ trạm biến áp được thiết kế trong khu đất của trụ sở, kéo vào công trình bằng cáp loại (Cu/XLPE/PVC) đi đến tủ điện tổng. Dây cáp bằng dây dẫn Cu/PVC 2x(1x1.5mm<sup>2</sup>); 2x2.5mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép  $\phi 16$  dài 1500mm, dây dẫn sét thép  $\phi 10$ . Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình kích L63x63x6mm dài 2,5m; chôn sâu cách mặt đất 0,8m. Dây tiếp địa bằng thép dẹt 25x3mm.

#### d) Phần cấp thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ trạm bơm cấp nước của khu vực được tăng áp bơm lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiêu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua

bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

*e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy.*

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: bình bột chữa cháy MFZL4, bình bột chữa cháy CO2MT3, hộp đựng bình chữa cháy và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại hành lang.

## 6.2. Xây mới Nhà kho số 2

*a) Phương án kiến trúc:*

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7,28x14,0m. Chiều cao công trình là 5,9m. Mái lợp tôn cao 1,45m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,45m. Mặt bằng tầng 1 được bố trí 03 phòng kho, giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 1,48m.

- Nền, sàn các phòng lát gạch Ceramic 600x600mm. Tường xây gạch không nung VXM mác M50, trát trong VXM mác M50, ngoài nhà VXM mác M75, trát trần, trát cột, dầm VXM mác M75. Tường, trần lăn sơn trực tiếp. Mái xây tường thu hồi, xà gỗ thép, lợp tôn.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung sắt bịt tôn, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ bên trong sắt đặc 14x14mm. Tam cấp sảnh đổ BTCT tại chỗ, bậc xây gạch, mặt bậc lát đá Granit.

*b) Giải pháp kết cấu:*

- Móng đơn BTCT mác M200 đá 1x2; móng, giằng móng mác M200 đá 1x2 đổ tại chỗ; móng dưới tường xây đá hộc VXM mác M75.

- Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực. Cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác M200 đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình 220x220mm. Tiết diện dầm điển hình 220x450mm. Sàn BTCT dày 100mm.

*c) Phân điện, chống sét:*

Hệ thống điện lấy từ trạm biến áp được thiết kế trong khu đất của trụ sở, kéo vào công trình bằng cáp loại (Cu/XLPE/PVC) đi đến tủ điện tổng. Dây cáp bằng dây dẫn Cu/PVC 2x(1x1.5mm<sup>2</sup>); 2x2.5mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

*d) Phân thoát nước:*

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

## 6.3. Cải tạo nhà kho số 1:

*a) Hiện trạng công trình:*

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,08x16,08m. Chiều cao công trình là 4,4m. Mặt bằng tầng 1 được bố trí 03 phòng kho. Hiện trạng nền nhà xuống cấp, gạch lát vỡ nát, thấp không đảm bảo sử dụng, mái nhà bị thấm dột; tường vôi, ve và mái nhà phai màu, rêu mốc.

*b) Phương án cải tạo:*

Tôn nền nhà cao thêm 400mm, mặt nền lát gạch Ceramic kích thước 400x400mm. Vệ sinh mái, xử lý chống thấm bằng 03 nước sika, sau đó xây tường thu hồi và lợp tôn. Vệ sinh tường trong và ngoài nhà sau đó sơn lại toàn bộ nhà. Thay thế hệ thống cửa đi bằng cửa sắt bịt tôn. Bổ sung xây mới bậc tam cấp bằng gạch VXM mác 50, mặt bậc trát Granito.

**6.4. Xây mới kho dự trữ vật tư ngoài trời**

Kho vật tư ngoài trời gồm 02 kho (178m<sup>2</sup> và 181m<sup>2</sup>). Mặt nền kho cấu tạo gồm: Đất đắp đầm chặt, cấp phối đá dăm dày 10cm, lót nilong tái sinh, bê tông mác 200 dày 20cm. Tường bao và tường ngăn kho đá xây bằng đá hộc VXM mác 75 cao 1,7m so với nền kho. Hệ thống cửa của kho sử dụng các thanh gỗ kích thước 300x70x4940mm.

**6.5. Cổng, hàng rào, sân bê tông**

- Kích thước cổng chính rộng 4,5m cao 2,3m; kích thước cổng phụ rộng 1,5m cao 2,3m. Cấu tạo cánh cổng chính có khung bằng thép 75x75x6mm; nan cổng bằng thép đặc 20x20mm, bên dưới bịt tôn dày 2mm. Cấu tạo cánh cổng phụ có khung bằng thép 75x75x6mm; nan cổng bằng thép đặc 20x20mm, bên dưới bịt tôn dày 2mm. Trụ cổng xây gạch kích thước 700x700mm cao 2,6m có trụ BTCT kích thước 220x220mm bên trong.

- Hàng rào thoáng cao 2,3m có cấu tạo xây gạch rộng 220mm cao 0,6m trên là hệ thống thép. Trụ hàng rào kích thước 250x220mm xây gạch, khoảng cách các trụ hàng rào là 2,4m. Móng hàng rào bằng đá hộc VXM mác M75. Hàng rào đặc xây gạch 110mm cao 2,0m. Trụ hàng rào xây gạch kích thước 220x220mm bố trí 3,0 m một trụ. Móng hàng rào bằng đá hộc VXM mác M75.

- Sân bê tông: Diện tích 500m<sup>2</sup> có cấu tạo gồm các lớp: 20cm đá thải, 20cm pase, bê tông mác 200 dày 30cm.

**7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.497.391.000 đồng, trong đó:**

- Chi phí xây dựng: 2.712.573.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 80.933.314 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 311.352.797 đồng;
- Chi phí khác: 133.465.808 đồng;
- Chi phí dự phòng: 259.065.994 đồng.

*(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).*

8. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách tỉnh bố trí dự toán hàng năm cho đơn vị.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2019.

10. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật.

11. Các nội dung khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đã thẩm định kèm theo Tờ trình số 7205/SXD-HĐXD ngày 30/11/2018 của Sở Xây dựng.

**Điều 2.** Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.(M12.2)



Nguyễn Đức Quyền

**PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp klimatritz vật tư phòng, chống lụt bão xã  
Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 4896/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng		2.712.573.000
II	Chi phí quản lý dự án	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	80.933.314
III	Chi phí tư vấn ĐTXD		311.352.797
1	Chi phí khảo sát địa hình		38.959.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		1.062.518
3	Chi phí lập BC KTKT	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 5,181\%$	140.538.407
4	Chi phí thẩm tra thiết kế	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	6.998.438
5	Chi phí thẩm tra dự toán	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	6.781.433
6	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	11.718.315
7	Chi phí giám sát thi công XD	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	89.108.023
8	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư	$20\% \times G_{qlda}$	16.186.663
IV	Chi phí khác		133.465.808
1	Chi phí hạng mục chung	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,500\%$	94.940.055
2	Phí thẩm định BC KTKT	$TMĐT \times 0,019\%$	664.504
3	Chi phí bảo hiểm công trình	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	2.170.058
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$TMĐT \times 0,950\%$	33.225.215
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT xây lắp	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	2.465.975
V	Chi phí dự phòng		259.065.994
1	Chi phí dự phòng	$(I+II+III+IV) \times 5\%$	161.916.246
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	$(I+II+III+IV) \times 3\%$	97.149.748
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>		<b>3.497.391.000</b>